

Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Ban Quản lý đào tạo

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG GHI ĐIỂM HỌC PHẦN
Học kỳ 1 - Năm học 2019-2020

Tên môn học: Lập trình .NET
Tên Giảng viên: Phan Trọng Tiến

Mã môn học/ mã nhóm: TH03108/01
Mã Giảng viên: CNP05

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Tên Lớp	Điểm tổng kết	Ghi chú	CC	GK	CK
1	621121	Lê Tuấn	Anh	21/10/99	K62CNPM	5.5		10	5	5
2	621066	Mai Phương	Anh	24/04/98	K62CNPM	4.2		9	5	3
3	611208	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/08/98	K61THA	7.5		9	8	7
4	621191	Nguyễn Thị Quế	Anh	05/08/99	K62CNPM	6.0		10	6.5	5
5	605094	Nguyễn Tuấn	Anh	22/01/97	K60THA	5.2		7	5	5
6	621170	Phạm Hải	Biển	19/12/98	K62CNPM	V		7	0	V
7	622405	Lê Trung Tiến	Bình	24/04/99	K62CNPM	3.4		10	0	4
8	621065	Cao Thành	Công	27/02/99	K62CNPM	5.1		9	5	4.5
9	621068	Phạm Văn	Đăng	12/01/98	K62CNPM	2.2		10	0	2
10	621084	Nguyễn Thành	Đô	22/10/98	K62CNPM	5.1		9	5	4.5
11	621187	Bùi Trí	Đức	03/01/99	K62CNPM	7.2		10	6.5	7
12	621070	Trần Đức	Giang	10/09/98	K62CNPM	7.0		10	8	6
13	621128	Phạm Thu	Hằng	09/09/99	K62CNPM	7.0		10	7	6.5
14	611228	Tường Thị	Hiền	06/01/98	K61THA	2.2		7	0	2.5
15	621046	Nguyễn Văn	Hiếu	26/03/99	K62CNPM	6.9		9	5	7.5
16	621072	Phạm Thu	Hoài	20/05/98	K62CNPM	4.3		10	5	3
17	621135	Lê Thị	Hương	20/06/99	K62CNPM	1.6		10	0	1
18	621136	Phạm Thị	Hường	22/06/99	K62CNPM	5.7		10	5.5	5
19	621143	Lê Trí	Kiên	26/08/96	K62CNPM	5.5		10	0	7.5
20	621145	Trần Thị	Lan	01/11/97	K62CNPM	3.7		10	0	4.5

21	621051	Vũ Diệu	Linh	14/06/99	K62CNPM	5.5		10	5	5
22	621050	Vũ Quang	Linh	04/03/99	K62CNPM	6.0		10	7.5	4.5
23	621076	Nguyễn Thị	Loan	22/01/99	K62CNPM	1.5		9	0	1
24	621098	Hà Văn	Lương	31/07/99	K62CNPM	V		0	0	V
25	621148	Đặng Đức	Mạnh	28/02/92	K62CNPM	4.1		8	0	5.5
26	605113	Vũ Tiến	Mạnh	15/03/97	K60THA	4.1		8	4	3.5
27	621149	Đỗ Văn	Minh	21/09/99	K62CNPM	6.0		10	9.5	3.5
28	621152	Trần Quang	Minh	04/09/98	K62CNPM	7.5		9	7	7.5
29	621155	Vũ Sơn	Nam	15/09/97	K62CNPM	V		9	0	V
30	621052	Mẫn Tuấn	Phong	05/08/99	K62CNPM	8.1		10	7.5	8
31	621101	Đỗ Thị Hồng	Phước	06/02/99	K62CNPM	5.2		10	5	4.5
32	621162	Đỗ Thị Thu	Phương	22/11/99	K62CNPM	4.5		9	0	6
33	621102	Nguyễn Thị	Phương	28/07/99	K62CNPM	3.4		10	0	4
34	621103	Phạm Thị	Phương	04/04/98	K62CNPM	5.8		10	7	4.5
35	621104	Hoàng Bình	Quân	14/04/99	K62CNPM	2.1		9	0	2
36	621109	Trần Văn	Thanh	05/08/99	K62CNPM	7.5		10	8	6.8
37	621080	Phạm Thị	Thảo	17/11/99	K62CNPM	6.6		10	6.5	6
38	621108	Đặng Quốc	Thắng	10/05/97	K62CNPM	6.3		9	7	5.5
39	599057	Nguyễn Văn	Thuân	24/05/93	K59THB	7.8		9	5	9
40	596627	Nguyễn Đức	Thuận	26/09/96	K59THB	V		0	0	0
41	621110	Nguyễn Thị	Thúy	29/10/99	K62CNPM	4.3		10	5	3
42	596633	Trần Văn	Thường	22/01/95	K59THB	2.4		9	0	2.5
43	621111	Nguyễn Hữu	Tiến	14/06/98	K62CNPM	4.7		8	5	4
44	621062	Đỗ Minh	Trứ	26/06/99	K62CNPM	6.6		10	6.5	6
45	621174	Vũ Xuân	Trường	17/08/99	K62CNPM	3.7		10	0	4.5
46	621063	Thân Văn	Tuấn	28/05/99	K62CNPM	3.9		9	0	5

Số sinh viên trong danh sách: 46

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

, Ngày tháng năm

Giảng viên giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)